

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 02/02/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lãnh Văn Việt.

2. Ông: Nguyễn Tất Bấy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị Hà Mỹ TR - Sinh năm 1976.***

- Địa chỉ: Khu T - thị C - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn: Anh Lê Xuân H - Sinh năm 1970.***

- Địa chỉ: Khu T - thị C - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

Chị TR anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2017 và những lời khai của nguyên đơn chị Hà Mỹ TR, lời khai của bị đơn anh Lê Xuân H và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Hà Mỹ TR kết hôn với anh Lê Xuân H vào tháng 01 năm 2001. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị TR anh H có đến Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị TR anh H về chung sống cùng nhau ngay và ở tại khu T - thị trấn C - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị TR cho rằng đến năm 2004 chị và anh H đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau dẫn đến thường xuyên lời qua tiếng lại, anh H không quan tâm gia đình thậm chí còn thường xuyên xúc phạm chị. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 3/2017 đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Anh H cho rằng giữa anh và chị TR không hề có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ là hai vợ chồng có một số vấn đề không chia sẻ được với nhau. Từ tháng 6/2017 anh và chị TR sống ly thân nhau. Nay chị TR xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị TR, chị TR xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị TR kiên quyết ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị TR anh H có 01 con chung là cháu Lê Việt H - Sinh ngày 11/03/2002. Vợ chồng ly hôn chị TR đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mới mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu H khi vợ chồng ly hôn và không đề nghị chị TR phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị TR, anh H đều xác nhận có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận với nhau xong, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Cháu Lê Việt H- Sinh ngày 11/03/2002 là con chung của chị TR anh H trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được ở với chị TR.

Tại phiên tòa chị TR vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và giải quyết việc nuôi con chung, đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức 2.000.000 đồng/tháng. Anh H không đồng ý ly hôn với chị TR. Nếu chị TR kiên quyết ly hôn với anh, anh đề nghị giải quyết theo quy định. Anh H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị TR.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hà Mỹ TR. Cho chị Hà Mỹ TR được ly hôn với anh Lê Xuân H.

Giao cho chị Hà Mỹ TR nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Cháu Lê Việt H - Sinh ngày 11/03/2002. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị TR với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3/2018.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Hà Mỹ TR phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Lê Xuân H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Hà Mỹ TR khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Lê Xuân H. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị TR anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2011 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị TR làm đơn xin ly hôn anh H không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy chị TR, anh H có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai bên có liên lạc níu kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai và đã sống ly thân với nhau một thời gian. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa chị TR và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị TR kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh H. Vì vậy Hội đồng xét

xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hà Mỹ TR đối với anh Lê Xuân H.

[3] Về con chung:

Chị TR anh H có 01 con chung là: Cháu Lê Việt H - Sinh ngày 11/03/2002. Vợ chồng ly hôn giữa chị TR anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H. Chị TR đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không đề nghị chị TR cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng về nuôi con chung của chị TR và anh H là chính đáng, cháu Lê Việt H là con chung duy nhất của chị TR và anh H do vậy chị TR và anh H đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục để cháu H phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xét về điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con thì chị TR và anh H đều đang là giáo viên tiểu học thuộc biên chế của nhà nước, có mức thu nhập hàng tháng ổn định. Chị TR và con chung là cháu H hiện đã dọn ra ngoài sống ly thân với anh H một thời gian. Cháu H có nguyện vọng ở với chị TR khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cũng như tránh những xáo trộn về nơi ở, xáo trộn về tâm sinh lý của cháu H cần giao cháu H cho chị TR nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị TR đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị TR là phù hợp với quy định pháp luật, anh H hiện là giáo viên có tổng mức thu nhập cao là 9.000.000 đồng/tháng. Vì vậy yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con của chị TR với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị TR anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Mỹ TR phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Lê Xuân H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Mỹ TR.

1. Cho chị Hà Mỹ TR được ly hôn với anh Lê Xuân H.

2. Giao cho chị Hà Mỹ TR nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Việt H - Sinh ngày 11/03/2002. Anh Lê Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị TR với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 3/2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Lê Xuân H được quyền đi lại thăm nuôi cháu H không ai được ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Mỹ TR phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị TR đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003186 ngày 19/12/2017. Khoản tiền này chuyển thành án phí. Anh H chưa nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND thị trấn C, huyện LN;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng